

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN N

TỈNH NINH BÌNH

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03-01-2025

V/v: Ly hôn, giải quyết về con chung khi
ly hôn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Bùi Khắc Thái.

- Ông Hà Quang Văn.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tạo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N Tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 222/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc: “Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn”. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, Thị trấn N (xã L cũ), huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn D, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, Thị trấn N (xã L cũ), huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Hiện anh D đang bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện N.

Các đương sự có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 10 năm 2024, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình: chị và anh Bùi Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào năm 2014. Sau khi cưới anh chị sinh sống tại xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên hai bên chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau. Hiện tại anh chị đã ly

thân, mỗi người sinh sống một nơi. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu không ai quan tâm đến ai. Vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nho Quan giải quyết cho chị được ly hôn với anh [D](#).

Về con chung: Chị xác định chị và anh [D](#) có 02 con chung là các cháu [Bùi Thị Quỳnh T](#) sinh ngày 28/02/2014 và [Bùi Quang A](#) sinh ngày 14/7/2018. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh [D](#), sau khi Tòa án giải quyết ly hôn chị xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh [D](#) cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của anh [Bùi Văn D](#) thể hiện tại bản tự khai ngày 30/10/2024: Anh xác nhận thời điểm kết hôn và chung sống như chị [H](#) trình bày là đúng. Theo anh vợ chồng mâu thuẫn do chị [H](#) không chung thủy với anh. Tháng 6/2023 chị [H](#) bỏ đi không ở cùng anh, hiện nay anh chị đã ly thân. Nay chị [H](#) xin ly hôn với anh thì anh cũng hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh xác định anh và chị [H](#) có 02 con chung là các cháu [Bùi Thị Quỳnh T](#) sinh ngày 28/02/2014 và [Bùi Quang A](#) sinh ngày 14/7/2018. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh xin nuôi cả hai cháu và yêu cầu chị [H](#) phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi tháng là 1000.000đ/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của cháu [Bùi Thị Quỳnh T](#): Cháu xin được ở với bố.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nho Quan đã tiến hành giải quyết theo quy định. Do ngày 17/12/2024, anh [D](#) bị [Công an huyện N](#) tạm giữ hình sự để điều tra về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy tại Nhà tạm giữ [Công an huyện N](#), vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được, vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Theo yêu cầu của đương sự và xét thấy cần thiết, Tòa án nhân dân huyện Nho Quan đã về [xã L](#) để xác minh, kết quả như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị [Nguyễn Thị H](#) và anh [Bùi Văn D](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký tại [UBND xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình](#) vào năm 2014. Sau khi cưới anh chị sinh sống tại [xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình](#). Về nguyên nhân mâu thuẫn ủy ban chỉ nắm được do không hợp nhau, hiện chị [H](#) không sinh sống cùng anh [D](#). Về con chung: Anh [D](#) và chị [H](#) có 02 con chung là các cháu [Bùi Thị Quỳnh T](#) sinh ngày 28/02/2014 và [Bùi Quang A](#) sinh ngày 14/7/2018. Hiện nay cả hai cháu đang ở với gia đình anh [D](#). Về tài sản chung: Do đương sự không có yêu cầu nên ủy ban không có ý kiến. Anh [D](#) và chị [H](#) đều là lao động tự do, mức thu nhập bình quân lao động phổ thông tại địa phương từ 250.000đ-300.000đ/ngày. Ngày 17/12/2024, anh [D](#) đã bị [Công an huyện N](#) tạm giữ

hình sự tại Nhà tạm giữ của [Công an huyện N](#) để điều tra về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tại đơn xin xử vắng mặt chị [H](#) vẫn giữ quan điểm như đơn khởi kiện và bản tự khai. Sau khi Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh [D](#) thì anh [D](#) có ý kiến về việc nuôi con anh đồng ý cho chị [H](#) nuôi con vì anh vị tạm giữ, anh không có ý kiến gì khác.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Do bị đơn có nơi cư trú tại [xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình](#) nên Tòa án nhân dân huyện Nho Quan thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn*” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 5, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí.

Đề nghị xử:

1. Xử ly hôn giữa chị [Nguyễn Thị H](#) với anh [Bùi Văn D](#).

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao hai cháu [Bùi Thị Quỳnh T](#) sinh ngày 28/02/2014 và cháu [Bùi Quang A](#) sinh ngày 14/7/2018 cho chị [Nguyễn Thị H](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập được cuộc sống. Anh [D](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị [H](#).

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Nguyên đơn chị [Nguyễn Thị H](#) phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật được đối trừ vào số tiền 300.000đồng chị [H](#) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại [xã L \(nay là Thị trấn N\), huyện N, tỉnh Ninh Bình](#) nên Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị [H](#) và anh [D](#) là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được với nhau thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt, thực tế hai bên đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh [D](#) cũng đồng ý ly hôn với chị [H](#). Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị [H](#) với anh [D](#) là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: Chị [H](#) và anh [D](#) có 02 con chung là các cháu [Bùi Thị Quỳnh T](#) sinh ngày 28/02/2014 và cháu [Bùi Quang A](#) sinh ngày 14/7/2018, hiện các cháu đang ở với ông bà nội. Chị [H](#) có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu

và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D cũng đồng ý cho chị H được nuôi cả hai cháu. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H khỏe mạnh có thu nhập, mặt khác tại thời điểm hiện nay anh D đang bị tạm giữ về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, vì vậy anh D không đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi con. Vì vậy việc giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đảm bảo quyền và lợi ích cho các cháu và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Bùi Văn D.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao các cháu Bùi Thị Quỳnh T sinh ngày 28/02/2014, cháu Bùi Quang A sinh ngày 14/7/2018, (hiện đang ở với bố mẹ anh D) cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Bùi Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị H.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001387 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND Thị trấn N
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Hương Quỳnh